

CÔNG TÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM KẾT QUẢ VÀ GIẢI PHÁP

TS. NGUYỄN VĂN LINH

Tóm tắt: Dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Đảng và Nhà nước luôn thống nhất quan điểm thực hiện chính sách dân tộc “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ bình đẳng, giúp nhau cùng phát triển”⁽¹⁾, các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của vùng và các dân tộc, nhất là dân tộc thiểu số. Những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, tỉnh Quảng Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, tạo nên những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ khóa: công tác dân tộc; dân tộc thiểu số; tỉnh Quảng Nam

1. Đặt vấn đề
Tỉnh Quảng Nam có 09/15 huyện miền núi, diện tích khoảng 783.191 ha, chiếm 74,06% diện tích toàn tỉnh, với 102 xã, thị trấn; có 14 xã biên giới (thuộc huyện Tây Giang và huyện Nam Giang) tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với chiều dài 157,42 km. Hiện nay, dân số của tỉnh Quảng Nam là 1.503.526 người, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số là 139.060 người (sinh sống chủ yếu trên 70% diện tích tự nhiên toàn tỉnh), chiếm tỷ lệ 9,25% dân số của tỉnh, chủ yếu là đồng bào dân tộc CơTu, Cor, Giẻ Triêng và Xơ Đăng⁽²⁾. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế,

xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái, tiềm năng và lợi thế về nông, lâm nghiệp, du lịch. Tuy nhiên, đến nay, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam vẫn còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở các xã vùng khó khăn còn cao, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, chất lượng giáo dục, y tế còn hạn chế, tệ nạn xã hội, trật tự an ninh vùng biên còn diễn biến phức tạp, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá... Do đó, việc tập trung phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Nam luôn được các cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị các cấp xác định là một bộ phận quan trọng góp phần ổn định, phát triển bền vững tỉnh Quảng Nam.

⁽¹⁾Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam

2. Công tác dân tộc tỉnh Quảng Nam - kết quả đạt được và khó khăn, thách thức

- Về kết quả đạt được

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, tạo nên những chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cụ thể:

Một là, công tác xóa đói, giảm nghèo có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi luôn được tỉnh Quảng Nam chú trọng, được coi là nhiệm vụ hàng đầu, nhiều chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhiều công trình hạ tầng được tập trung xây dựng, hệ thống giao thôn nông thôn, trường học, trạm y tế và công trình thủy lợi ngày càng hoàn thiện, đã tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông, phát triển sản xuất, giảm dần khoảng cách giữa đồng bằng và miền núi. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2018 của 09 huyện miền núi là 25,38% (20.895 hộ), giảm 15,47% so với năm 2015 (40,85%), bình quân giảm 5,16% và đến cuối năm 2019 là 20,83% (17.452 hộ), giảm 3.443 hộ so với năm 2018, vượt 193 hộ so với chỉ tiêu của Ủy ban nhân dân tỉnh giao (3.250 hộ); tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,84% với 3.895 hộ, giảm 3,42% so với năm 2015 (8,26%)⁽³⁾.

Hai là, kết cấu hạ tầng có sự thay đổi rõ rệt, từng bước hoàn thiện và đồng bộ hóa. Giai đoạn 2003 - 2018, tỉnh Quảng Nam đã đầu tư xây dựng 337 công trình giao thông, 56 công trình điện, số hộ sử dụng điện đạt 92,11%, 107 công trình giáo dục, 08 công trình y tế, 103 công trình sinh hoạt văn hóa văn hóa cộng đồng, 94 công trình thủy lợi, 34 công trình nước sạch⁽⁴⁾. 100% số xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa, số xã khó khăn đều có điện lưới quốc gia, trạm y tế, trường học, bưu điện văn hóa được xây dựng kiên cố. Giai đoạn 2003 - 2018, tổng vốn đầu tư xây dựng giao thông nông thôn là 1.597,34 tỷ đồng và 265,494 tỷ đồng xây dựng các công trình thủy lợi; tỷ trọng công

nghiệp ở miền núi giai đoạn 2016 - 2019 có mức tăng trưởng khá, chiếm 5 - 8% toàn tỉnh và đạt mức tăng bình quân 20%/năm⁽⁵⁾.

Ba là, lĩnh vực văn hóa - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được quan tâm, mở rộng mạng lưới, quy mô trường lớp ở các cấp học; hiện 09 huyện miền núi có tổng số 257 trường, trong đó có 85 trường đạt chuẩn quốc gia (mẫu giáo có 22/86 trường, đạt tỷ lệ 33,1%; tiểu học có 40/85 trường, đạt tỷ lệ 47,1%; hệ trung học cơ sở có 22/86 trường, tỷ lệ 23,3%; trung học phổ thông có 03/18 trường đạt tỷ lệ 16,7%); toàn tỉnh có 08 trường phổ thông dân tộc nội trú (01 trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, 8 trường phổ thông dân tộc nội trú huyện). 53 trường phổ thông dân tộc bán trú (21 trường cấp tiểu học, 28 trường cấp trung học cơ sở và 04 trường cấp tiểu học), đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, số xã đạt tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt 11,09 tiêu chí/xã, tăng 9,97 tiêu chí/xã so với năm 2010 và tăng 1,07 tiêu chí/xã so với thời điểm năm 2015⁽⁶⁾. Một số lễ hội truyền thống được duy trì, khôi phục và tiếp tục phát triển, như Lễ hội mùa Xuân, Lễ mừng lúa mới, Lễ hội Văn hóa - Thể thao, Lễ hội Tạ ơn rừng của dân tộc Cơ tu, Lễ hội cúng máng nước của dân tộc Xơ đăng; Lễ hội cúng đất lập làng của dân tộc Ve, Tà Riêng, Lễ hội tết mùa của người Bh'noong... đã phát huy giá trị văn hóa truyền thống, khơi dậy phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Mạng lưới y tế được mở rộng tới thôn, bản, kết cấu hạ tầng, thiết bị, nhân lực, ngân sách cho công tác y tế từng bước được tăng cường và hoạt động có hiệu quả. Cơ sở khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện về quy mô, chất lượng; 102/102 xã có trạm y tế (đạt 100%), trong đó có 62/102 xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia

(chiếm 60,78%); số lượng, chất lượng y, bác sĩ ngày càng được tăng cường, 57/102 xã có bác sĩ đang công tác tại trạm y tế (chiếm 55,88%), 615/623 cán bộ y tế làm việc tại các thôn (chiếm 98,72%); người đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hỗ trợ 100% tiền mua thẻ bảo hiểm y tế, được hỗ trợ, chi phí đi lại và được chăm sóc chu đáo trong khám, chữa bệnh⁽⁷⁾.

Bốn là, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, kiện toàn và ngày càng phát huy hiệu quả, là nhân tố quan trọng đưa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số được các cấp ủy chú trọng. Qua thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025, đến nay, ở cấp xã có 2.293/2.818 cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số (chiếm 81,4%), ở cấp huyện là 332/772 (chiếm 42,8%), ở cấp tỉnh là 414/3.443 (chiếm 12%). Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có trình độ đại học trở lên chiếm 46,72%, cao đẳng, trung cấp chiếm 52,3%⁽⁸⁾; 1.326 người dân tộc thiểu số được học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị (cấp tỉnh 106 người, cấp huyện 418 người và cấp xã 802 người), 5.972 người dân tộc thiểu số được bồi dưỡng về quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ (cấp tỉnh 11 chuyên viên cao cấp, cấp huyện 51 chuyên viên chính và cấp xã 5.352 lượt người)⁽⁹⁾. Số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số là đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 là 1.238 người, trong đó: Đại biểu Quốc hội khóa XIII: 01/8 người; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 04/56 người; đại biểu hội đồng nhân dân các cấp (cấp tỉnh 5/58 người; cấp huyện 102/508 người; cấp xã 1.114/2.368 người). Đặc biệt, có 16 cán bộ người dân tộc thiểu số là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp là 16 người; trên 80% số ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2014 - 2019 của 09 huyện miền núi là người dân tộc thiểu số... sự

thể hiện sinh động cho khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam⁽¹⁰⁾.

Năm là, vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phát huy hiệu quả. Hằng năm, có gần 400 người là cán bộ lão thành cách mạng, già làng, trưởng bản... được cộng đồng bình chọn đều là người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số. Hầu hết người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở 09 huyện miền núi tỉnh Quảng Nam đều thể hiện rõ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, tham gia hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân; tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương; nắm bắt tình hình dư luận xã hội, đời sống sản xuất, tâm tư nguyện vọng của đồng bào dân tộc để phản ánh kịp thời về cấp ủy, chính quyền và cơ quan chức năng có liên quan.

Nhờ sự tập trung triển khai đồng bộ, tích cực nhiều chính sách nên đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã có sự chuyển biến tích cực, thay đổi bước đầu về nhận thức trong đời sống sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, từng bước khai thác thế mạnh và tiềm năng đất đai, mạnh dạn đầu tư tạo ra hướng mới để phát triển kinh tế. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi ngày càng cải thiện, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh được phát huy tích cực.

- Một số khó khăn, thách thức

Thứ nhất, về triển khai chính sách dân tộc: Hệ thống các chính sách dân tộc thể hiện ở nhiều văn bản khác nhau, thuộc nhiều ngành quản lý, nhiều chính sách thực hiện trên cùng một địa bàn riêng lẻ, phân tán, khó lồng ghép, có chính sách mang tính giai đoạn và thời gian ngắn nên hiệu quả chưa cao, không ổn định, chưa đáp ứng được mục đích, yêu cầu, nguồn lực đầu tư để đạt được mục tiêu của chính sách. Một số chính sách ưu đãi giáo dục (chế độ cử tuyển, dự bị đại học, trường dân tộc nội trú, chế độ ưu đãi giáo

viên) dành cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa đáp ứng được yêu cầu. Thực tế, tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị các cấp còn thấp, chỉ chiếm 42,8% đối với cấp huyện và 12,04% đối với cấp tỉnh⁽¹¹⁾.

Thứ hai, về phát triển kinh tế: Do địa hình phức tạp nên ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế các địa phương miền núi, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyên dịch cơ cấu kinh tế, tập quán canh tác còn lạc hậu. Sản xuất hàng hóa chưa phát triển, tiêu thụ rất khó khăn. Một số nơi còn thiếu đất sản xuất, nhất là số hộ mới lập gia đình. Kết cấu hạ tầng ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn thấp. Kinh tế lâm nghiệp chuyên biến chậm, chính sách đối với lâm nghiệp chưa đảm bảo cho đồng bào dân tộc thiểu số sống và gắn bó với rừng. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao: khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng ngày càng tăng. Đến cuối năm 2018, toàn tỉnh vẫn còn 31.537 hộ nghèo, chiếm 7,57% cao hơn bình quân chung của cả nước (5,35%). Đối với 06 huyện nghèo thuộc Chương trình 30a (03 huyện theo Nghị quyết 30a và 03 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao) còn 16.893 hộ nghèo (chiếm 38,91%, giảm 16,14%), bình quân giảm 5,38%/năm, chưa đạt mục tiêu đề ra⁽¹²⁾.

Thứ ba, về văn hóa, xã hội: Chất lượng giáo dục còn thấp và chưa thật sự vững chắc, tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao; việc đào tạo nghề, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Việc giải quyết việc làm cho sinh viên cử tuyển và sinh viên mới tốt nghiệp ra trường còn nhiều khó khăn. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Mức độ hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp. Tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết, học sinh bỏ học còn xảy ra ở một số địa phương. Tranh chấp, khiếu kiện đất đai, hoạt động tôn giáo trái pháp luật còn diễn ra ở một số nơi trên địa bàn.

Thứ tư, về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở: Hệ thống chính trị chậm được củng cố, hiệu quả hoạt động còn nhiều yếu kém, nhất là năng lực triển khai thực hiện các chủ trương, nghị

quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phương thức hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều lúng túng, nhất là trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Ở một số nơi vùng đồng bào dân tộc, miền núi, vai trò của hệ thống chính trị có lúc không rõ ràng, chưa quy tụ được đồng bào, cùng với đó là tình trạng hoạt động hình thức, thụ động của các đoàn thể đã làm giảm đáng kể vai trò, vị trí của hệ thống chính trị trong các phong trào ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đội ngũ cán bộ ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cách mạng trong giai đoạn mới. Cán bộ tại các thôn, bản đạo đức tốt, có phẩm chất chính trị, nhưng phần đông lớn tuổi, trình độ năng lực yếu, có tâm lý ỷ lại nên công tác lãnh đạo, điều hành còn nhiều bất cập...

Nguyên nhân của những khó khăn, thách thức nêu trên chủ yếu là do: (1) Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt của vùng núi tỉnh Quảng Nam với địa hình hiểm trở, độ dốc lớn rất khó khăn để tổ chức sản xuất cũng như đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phúc lợi tuyến cơ sở; (2) Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện; (3) Tư tưởng chủ quan, trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vùng dân tộc, miền núi còn nặng nề; (4) Năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là cán bộ cấp xã còn nhiều mặt hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn phát triển mới; (5) Hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở một số địa phương còn những hạn chế nhất định, một số cấp ủy, chính quyền còn xem nhẹ công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác dân tộc ở tỉnh Quảng Nam

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Trong đó, đặc biệt chú ý quán triệt các chủ trương lớn, quan trọng của Trung ương và của Tỉnh về công tác dân tộc, phải luôn “xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách; là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị”⁽¹³⁾. Thông qua đó, làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ yêu cầu của công tác dân tộc trong tình hình mới. Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại của đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất và đời sống. Muốn vậy, cần chú trọng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa; tăng cường đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho đồng bào, đặc biệt là thanh niên dân tộc thiểu số; đồng thời, khai thác tốt các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ, tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và doanh nghiệp để đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững.

Hai là, tiếp tục lãnh đạo, cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia ở miền núi, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, phấn đấu đến hết năm 2020 “tỷ lệ hộ nghèo các huyện miền núi xuống dưới 7%, thu nhập bình quân đầu người đạt 18 triệu đồng/năm/người, lương thực bình quân đầu người đạt 300kg, tỷ lệ hộ dùng điện đạt 98%, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 80%, tỷ lệ thôn văn hóa đạt

75%, tỷ lệ xã văn hóa đạt 60% và tỷ lệ trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia 50%”⁽¹⁴⁾; chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, nước sạch; xây dựng hệ thống giáo dục các bậc học đạt chuẩn chất lượng, quan tâm các trường nội trú; xây dựng cơ sở vật chất y tế ở các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Có chính sách luân phiên và khuyến khích đội ngũ y bác sĩ về công tác ở cơ sở. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên phát triển hạ tầng các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã mới ra khỏi diện khu vực III.

Ba là, tiếp tục xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội miền núi để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ cho đồng bào dân tộc thiểu số, đầu tư phát triển sản xuất gắn với đào tạo và giải quyết việc làm tại chỗ; hỗ trợ, khuyến khích phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại và trồng rừng gỗ lớn; khuyến khích phát triển du lịch miền núi gắn với các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, cộng đồng, du lịch làng nghề truyền thống. Có các cơ chế chính sách, nguồn lực cụ thể để góp phần bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc. Ưu tiên phát triển giáo dục, đào tạo, dạy nghề cho đồng bào dân tộc, miền núi nhất là thanh niên dân tộc thiểu số thông qua việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cùng với tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức, bổ sung kiến thức, kinh nghiệm để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo, ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

Bốn là, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong đó chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng ở từng cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả

hoạt động của chính quyền cơ sở, thực hiện tốt chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng chăm lo lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở từng địa bàn dân cư. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Đồng thời, khắc phục những hạn chế, yếu kém về chủ quan của các cấp ủy, chính quyền các cấp, thực sự quan tâm đến cơ sở - sát dân, xử lý những bất cập trong việc thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng hiệu quả và ngày càng thiết thực hơn, làm cho nhân dân được hưởng thụ những thành tựu đổi mới ngày càng tốt hơn; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội dân tộc và miền núi.

Năm là, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong vùng dân tộc và miền núi. Chủ động ngăn chặn các hoạt động chống phá khối đại đoàn kết thông qua “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để lừa gạt, lôi kéo, kích động đồng bào các dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm, ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái pháp luật. Hạn chế tối đa các tệ nạn xã hội và các hủ tục, tập quán lạc hậu.

Sáu là, rà soát, đánh giá chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, xem xét những vấn đề bất cập, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện thi kiến nghị với Trung ương hướng dẫn cụ thể để thống nhất thực hiện. Kiến nghị Trung ương xem xét, ban hành quyết định, quy định xã, thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn để làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách; đồng thời, giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, nhất là

vùng biên giới, vùng giáp ranh với quyết tâm cùng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự ổn định và phát triển bền vững của tỉnh Quảng Nam.

Có thể nói, những năm qua, mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình triển khai các chính sách dân tộc đến với đồng bào, nhưng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các chính sách dân tộc được triển khai ngày càng phát huy hiệu quả, đời sống nhân dân các dân tộc từng bước được cải thiện và nâng cao. Đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đoàn kết gìn giữ an ninh trật tự, bảo vệ đường biên mốc giới và chung tay xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững. ▽

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc*, Hà Nội, 2003

⁽²⁾ Dân tộc Cơ Tu 54.197 người/13.887 hộ cư trú ở các huyện: Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang; dân tộc Xơ Đăng 48.572 người/11.534 hộ, cư trú ở các huyện: Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức; dân tộc Giê Triêng 24.346 người/5.904 hộ, cư trú tại các huyện: Phước Sơn, Nam Giang và Hiệp Đức; dân tộc Cor 6.258 người /1.635 hộ, cư trú ở các huyện: Bắc Trà My, Núi Thành, Tiên Phước

⁽³⁾ (4), (5), (6), (8), (9), (10), (11) và (14) Tỉnh ủy Quảng Nam. *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc*, Quảng Nam, 2019, tr.4-5, 7, 8, 5, 6, 12, 12, 15 và 18

⁽⁵⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020*, Quảng Nam, 2019, tr. 8

⁽¹²⁾ Tỉnh ủy Quảng Nam, *Báo cáo sơ kết 3 năm triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*, Quang Nam, 2018, tr.10

⁽¹³⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới*, Hà Nội, 2019